



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

Law on Coastal Zone Planning in Vietnam

Nguyen Tien Dat*, Nguyen Nhu Ha

Academy of Policy and Development, Nam An Khanh, An Thuong, Hanoi, Vietnam

Received 14th March 2025

Revised 14th May 2025; Accepted 20th December 2025

Abstract: Vietnam recognizes the importance of developing a "sea-oriented" economy and has early embarked on constructing a legal framework for governing marine spaces. The coastal zone represents area of dynamic economic activity, contributing a significant part of the national economy. The Vietnam Integrated Coastal Zone Management Strategy, with a vision to 2030, together with numerous policies and guidelines on coastal planning, has been approved. However, their effectiveness and the degree of coordination among these instruments remain insufficiently clear, requiring continued reform and improvement in the coming period.

Keywords: Coastal Zone, marine economy, planning law.

* Corresponding author.

E-mail address: nguyendat.mdce@apd.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4758>

Pháp luật về quy hoạch vùng bờ tại Việt Nam

Nguyễn Tiên Đạt*, Nguyễn Như Hà

Academy of Policy and Development, Nam An Khanh, An Thuong, Hanoi, Vietnam

Nhận ngày 14 tháng 3 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 14 tháng 5 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 12 năm 2025

Tóm tắt: Việt Nam nhận thức được tầm quan trọng của mục tiêu xây dựng nền kinh tế “hướng ra biển” và sớm xây dựng khuôn khổ pháp lý điều chỉnh các vùng biển. Vùng bờ là khu vực có hoạt động kinh tế sôi động, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thể kinh tế quốc gia. Chiến lược Quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam tầm nhìn đến năm 2030 cùng nhiều chủ trương, chính sách định hướng quy hoạch vùng bờ của Việt Nam đã được thông qua. Tuy nhiên, tính hiệu quả và tính kết nối giữa các quy hoạch này chưa thực sự rõ ràng, đòi hỏi tiếp tục đổi mới, hoàn thiện trong thời gian tới.

Từ khóa: Vùng bờ, kinh tế biển xanh, pháp luật quy hoạch.

1. Đặt vấn đề

Phát triển kinh tế biển xanh là một phần quan trọng trong chính sách phát triển bền vững kinh tế biển của Việt Nam trong bối cảnh mới, cũng là nội dung trọng tâm của Mục tiêu Phát triển bền vững số 14 về tài nguyên nước - bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và tài nguyên biển (SDG 14) của Liên Hợp quốc. Theo đó, nội dung Mục tiêu cụ thể 14.6 của SDG 14 đặt ra là đến năm 2030 tăng lợi ích kinh tế cho các đảo đang phát triển và các nước kém phát triển nhất từ việc sử dụng bền vững tài nguyên biển. Mục tiêu này là khả thi nếu Việt Nam tận dụng được lợi thế từ tiềm năng kinh tế biển và vùng ven biển được dự báo chiếm khoảng 47 - 48% GDP cả nước, trong đó GDP của kinh tế thuần biển đạt khoảng 20 - 22% tổng GDP cả nước; đường bờ biển dài 3.260 km (diện tích lãnh hải hợp pháp lên tới 1 triệu km²) và có tới 50% dân số đang sống tại 21/34 tỉnh, thành phố ven biển (sau sáp nhập). Quản lý và khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế vùng bờ biển còn đóng góp hiện thực hóa mục tiêu phát thải các-bon “net zero” của Việt

Nam vào năm 2050.

Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam về quy hoạch vùng bờ biển hiện nay còn “nhập nhằng” với quy hoạch các vùng biển, chưa kết nối được giữa các nhóm quy định pháp luật về quy hoạch vùng bờ biển với quy định pháp luật về quản lý, khai thác tài nguyên, tiềm năng kinh tế và đa dạng sinh học vùng bờ biển. Điều này dẫn tới hệ quả là tuy Việt Nam tham gia nhiều, đầy đủ các cam kết quốc tế, nội luật hóa nhanh và kịp thời nhưng tính liên thông, đồng bộ giữa các nhóm quy định còn hạn chế, dẫn tới tình trạng “rời” trong thực hiện.

2. Một số vấn đề lý luận về quy hoạch vùng bờ

2.1. Khái niệm

Trước hết, khái niệm “vùng bờ” chưa được đề cập trực tiếp trong Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982). UNCLOS 1982 chỉ nhắc tới khái niệm đường bờ biển (tiếng Anh: coastline) khi đề cập khái niệm “đường cơ sở thông thường” tại Điều 5; “đường cơ sở thẳng” tại Điều 7; “vịnh” tại Điều 10 và

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: nguyendat.mdce@apd.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4758>

“cảng” tại Điều 11 [4]. Tuy nhiên, pháp luật các quốc gia trên thế giới đều đưa ra cách xác định khác nhau cho khái niệm “vùng bờ”.

Khái niệm “vùng bờ” (tiếng Anh: coastal zone) được quy định tại khoản 6 Điều 3 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 của Việt Nam, là khu vực chuyển tiếp giữa đất liền hoặc đảo với biển, bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển. Điểm (e) Điều 2 Nghị định thư về Quản lý tổng hợp vùng bờ ở Địa Trung Hải năm 2009 (The Protocol on ICZM in the Mediterranean 2009) đã đưa ra cách xác định phạm vi vùng bờ như sau: vùng bờ ở Địa Trung Hải là vùng địa mạo nằm về 02 hai phía của bờ biển, phía hướng ra biển và phía hướng vào đất liền¹. Luật Đới bờ của các nước Địa Trung Hải quy định khác nhau về giới hạn “đới bờ” nhưng trong khoảng từ 100m - 500m về phía đất liền, cá biệt có thể mở rộng tới 30km (theo pháp luật của Ai Cập) hoặc do chính quyền địa phương tự xác định (theo pháp luật của Pháp)². Điều 1 Luật Quản lý vùng bờ năm 1999 của Hàn Quốc, vùng bờ là một thuật ngữ dùng để mô tả vùng lãnh hải quốc gia lên đến 12 hải lý hướng ra biển và địa giới hành chính của các hạt và thành phố ven biển. Vùng bờ bao gồm vùng nước ven bờ và vùng đất ven biển. Chương trình Môi trường Liên Hợp quốc (UNEP) lại đưa ra thống kê cho thấy ‘vùng bờ’ tương ứng với khoảng cách 60km về phía biển nơi có 1/2 dân số toàn cầu sinh sống và tập trung 3/4 số thành phố lớn.

Từ đó cho thấy, vùng bờ được xác định bởi 02 ranh giới, gồm ranh giới phía biển và ranh giới phía đất liền: 1) Ranh giới phía biển của vùng bờ là ranh giới phía ngoài của lãnh hải của quốc gia thành viên; 2) Ranh giới phía đất liền của vùng bờ là địa giới hành chính ven biển do quốc gia thành viên tự xác định.

¹ Trích dẫn điểm (e) khoản 2: “coastal zone” means the geomorphologic area either side of the seashore in which the interaction between the marine and land parts occurs in the form of complex ecological and resource systems made up of biotic and abiotic components coexisting and interacting with human communities and relevant socioeconomic activities;

² T. V. Trường và cộng sự, Quy hoạch, quản lý cảnh quan và các công trình xây dựng tại hành lang bảo vệ bờ

Thứ hai, khái niệm “quy hoạch” (tiếng Anh: planning) là việc sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ xác định để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định³. Hoạt động quy hoạch lại bao gồm nhiều công đoạn từ tổ chức lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch⁴. Ở Việt Nam, hệ thống quy hoạch được phân thành: Quy hoạch cấp quốc gia (trong đó có quy hoạch không gian biển); quy hoạch vùng; quy hoạch tỉnh/đơn vị hành chính đặc biệt; quy hoạch đô thị - nông thôn.

Như vậy, quy hoạch vùng bờ được hiểu là quá trình sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường của vùng bờ mỗi quốc gia được xác định thông qua ranh giới phía biển và phía đất liền theo pháp luật quốc gia ven biển.

2.2. Vai trò của pháp luật về quy hoạch vùng bờ

Quy hoạch là cơ sở để Nhà nước hoạch định, kiến tạo động lực và không gian phát triển cho từng vùng, từng địa phương, từng khu vực. Quy hoạch tổng hợp vùng bờ là một phần của quy hoạch không gian biển quốc gia (quy hoạch cấp quốc gia), góp phần đảm bảo tận dụng được lợi thế, nguồn lực, tiềm năng của vùng bờ, đóng góp phát triển kinh tế các địa phương ven bờ, nâng cao đời sống của người dân địa phương, là một phần của Quy hoạch Tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050⁵ (quy hoạch cấp quốc gia) lần đầu tiên được xây dựng ở Việt

biển của Việt Nam, Tạp chí Quy hoạch xây dựng số 105, 2020, tr. 28 - 32.

³ Khoản 1 Điều 3 Luật Quy hoạch năm 2017.

⁴ Khoản 11 Điều 3 Luật Quy hoạch năm 2017.

⁵ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nam. Cùng với các khía cạnh của quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch các địa phương, quy hoạch tổng thể vùng bờ biển Việt Nam và vùng bờ của từng địa phương có những đặc trưng, tiềm năng khác biệt đòi hỏi nghiên cứu, khai thác.

3. Pháp luật Việt Nam về quy hoạch vùng bờ

Thứ nhất, quy hoạch vùng bờ đã được đề cập trong các văn kiện của Đảng về phát triển kinh tế biển.

Nghị Quyết số 36/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương năm 2018 về Chiến lược Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đặt ra giải pháp quan trọng là *xây dựng Quy hoạch Không gian biển quốc gia và Quy hoạch Tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ*. Quy hoạch không gian biển (tiếng Anh: marine spatial planning) là một thuật ngữ vẫn còn tương đối mới mẻ với các nhà khoa học, các nhà quản lý Việt Nam và chỉ mới xuất hiện trên thế giới khoảng hơn 15 năm gần đây. Theo thống kê của Chương trình Quy hoạch không gian biển (Marine Spatial Planning Programme - MSPP) do UNESCO phối hợp với Ủy ban Hải dương liên chính phủ, trên toàn thế giới có khoảng 70 quốc gia đã thực hiện Quy hoạch Không gian biển. Theo định nghĩa của MSPP, “Quy hoạch không gian biển là một quá trình, có tính chất công vụ, phân tích và phân bổ không gian và thời gian cho các hoạt động của con người trên các vùng biển nhằm đạt được các mục tiêu về sinh thái, kinh tế và xã hội đã được xác định thông qua một quá trình chính trị”.

Thứ hai, quy hoạch vùng bờ được ghi nhận trong các chính sách, chiến lược và văn bản pháp luật lĩnh vực quy hoạch.

Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 của Việt Nam quy định quy hoạch không gian biển quốc gia là quy hoạch cấp quốc gia, và quy hoạch tổng

thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ là quy hoạch ngành quốc gia. Riêng đối với quản lý vùng bờ, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã ban hành bộ 3 thông tư quan trọng gồm: Thông tư số 74/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 quy định kỹ thuật về lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; Thông tư số 49/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ; Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. Tuy nhiên, quy hoạch vùng bờ đang đặt ra một số thách thức cần giải quyết:

Trước hết, Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 tại Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và tới đây là Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025 sẽ chính thức kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện, đồng thời thu gọn còn 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh gồm 6 thành phố trực thuộc trung ương. Những thay đổi này tác động lớn tới hệ thống quy hoạch vùng bờ của các vùng/địa phương. Đơn cử, Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050⁶ (quy hoạch cấp tỉnh) có đề cập tới “Xây dựng các bến thuyền - bến thủy nội địa phục vụ tuyến đường thủy nội địa ven bờ gắn với phương án phát triển các khu, điểm du lịch dọc bờ biển” (điểm e Mục V.1) phải điều chỉnh lại sau khi Bình Thuận hợp nhất cùng tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Nông. Đồng thời, Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050⁷ (quy hoạch cấp vùng) chỉ mới đưa ra định hướng “*Tăng cường liên kết với vùng Đông Nam Bộ, các tỉnh khu vực Trung Trung Bộ và Nam*

⁶ Quyết định 1701/QĐ-TTg năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁷ Quyết định 377/QĐ-TTg năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trung Bộ, các cảng biển” (điểm d Mục II.1) cũng sẽ phải điều chỉnh lại cho phù hợp. Điều đó cho thấy, để đảm bảo khai thác hiệu quả nguồn lực vùng bờ, đòi hỏi rà soát tổng thể toàn bộ hệ thống quy hoạch từ cấp quốc gia tới địa phương/ngành phù hợp phương án tinh gọn, sắp xếp đơn vị hành chính.

Mặt khác, quy hoạch vùng ven bờ đối mặt với nguy cơ quỹ đất bờ ven biển và ô nhiễm môi trường biển ven bờ đang ở mức báo động sau nhiều năm buông lỏng quản lý, những biến đổi về địa chất và nguy cơ thu hẹp do xâm lấn biển. Để khắc phục tình trạng này, xu hướng hiện nay được nhiều quốc gia và bước đầu hình thành ở Việt Nam là xây dựng hệ thống các đô thị mở rộng ra biển dưới dạng: đô thị ven biển (coastal city); đô thị đảo (island city); đô thị biển (ocean-based city); đô thị nổi trên biển hoặc đô thị dưới đáy biển (underocean-based city). Đây là một giải pháp hiệu quả nhưng cũng là thách thức với quy hoạch vùng bờ mở rộng đòi hỏi dự báo được xu hướng và tạo ra đặc trưng, đảm bảo yếu tố cân bằng môi trường.

Quản lý quy hoạch vùng bờ xác định đối tượng và phạm vi quản lý đối với 04 vùng chính trong đới bờ, gồm: 1) vùng nội địa, ảnh hưởng tới biển chủ yếu thông qua các con sông và các nguồn ô nhiễm không tập trung, phân tán; 2) vùng đất ven bờ như đất ngập nước, đầm lầy, và tương tự, là nơi tập trung các hoạt động của con người và có ảnh hưởng trực tiếp tới vùng nước phụ cận; 3) vùng nước ven bờ, là các cửa sông, đầm phá, và vùng nước nông - nơi chịu tác động lớn từ các hoạt động trên đất liền; 4) vùng biển ngoài khơi, chủ yếu là vùng biển rộng tới 200 hải lý ngoài khơi nằm trong phạm vi chủ quyền của quốc gia. Giữa các vùng này lại có sự khác biệt về chủ sở hữu, chủ thể khai thác lợi ích. Đơn cử, nếu như vùng nội địa ghi nhận vai trò chiếm ưu thế của các nhóm tư nhân thì càng xa bờ sẽ là ưu thế của các nhóm cộng đồng hoặc nhà nước. Hệ thống quy hoạch hiện nay liên quan tới vùng bờ chưa phân tách các vùng đới bờ với các đặc trưng khác biệt để đảm bảo phát triển hài hòa, phù hợp với đặc thù.

Thứ ba, quy hoạch vùng bờ được ghi nhận trong các chính sách, chiến lược và văn bản pháp

luật lĩnh vực bảo vệ môi trường, tài nguyên biển.

Quản lý tổng hợp vùng bờ được định hình bởi Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13, có hiệu lực từ 01/7/2016 và Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13, có hiệu lực từ 01/01/2013. Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ là một nội dung của quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quy định cụ thể hơn: phạm vi vùng bờ; lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ; hành lang bảo vệ bờ biển, hạn chế các hoạt động trong hàng lang bảo vệ bờ biển. Ví dụ, phạm vi quy hoạch vùng bờ được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Điều 1 Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020 nêu trên bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển như sau:

- Vùng biển ven bờ có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm (18,6 năm) và ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm 06 hải lý do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định và công bố.

- Vùng đất ven biển bao gồm các xã, phường, thị trấn có biển thuộc 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển.

Tuy nhiên, đến nay chưa có địa phương nào triển khai lập chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ cấp tỉnh do quy hoạch này chưa được ban hành. Điều này cho thấy các địa phương hiện chưa thực sự coi quản lý vùng bờ như một phần quan trọng quyết định đối với các phát triển kinh tế xã hội địa phương. Bên cạnh đó, việc xác định vùng biển ven bờ bằng ranh giới ngoài cách đường mép nước chỉ 06 hải lý (khoảng 11,1 km) đã thu hẹp đáng kể không gian quy hoạch. Như đã đề cập, Luật Đới bờ các nước Địa Trung Hải cho phép vùng này mở rộng tới 30km (gần gấp 3 lần của Việt Nam) còn Luật của Hàn Quốc cũng cho phép vùng này mở rộng tới

12 hải lý (gấp 2 lần của Việt Nam).

Đặc biệt, vấn đề quản lý, bảo tồn tài nguyên ven bờ thông qua hệ thống các khu bảo tồn ven biển là một bất cập lớn. Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2023, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1539/QĐ-TTg ngày 10/12/2024 phê duyệt Đề án mở rộng, thành lập mới các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2030, để đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 6% diện tích tự nhiên vùng biển Việt Nam. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg năm 2021 về một số giải pháp cấp bách nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý khu bảo tồn biển Việt Nam trong bối cảnh mục tiêu diện tích vùng biển được bảo tồn chưa đạt 0,24% diện tích vùng biển tự nhiên của Việt Nam đến năm 2020 được đề ra tại Quyết định số 742/QĐ-TTg, còn cách xa mục tiêu năm 2030 mạng lưới khu bảo tồn lên 27, tổng diện tích bảo tồn gần 450.000 ha, chiếm khoảng 0,44% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia. Thực tế cho thấy một số lượng lớn các khu bảo tồn biển chỉ tồn tại trên văn bản nhưng lại không có hoạt động thực tế. Hiện Việt Nam có 16 khu bảo tồn biển đã có quyết định thành lập nhưng chỉ có 10/16 khu có hoạt động thực tế. Bởi vậy, cần thiết sớm rà soát quy hoạch các khu bảo tồn biển, loại bỏ hoặc có giải pháp liên kết các khu bảo tồn để tăng cường tính hiệu quả trong quản lý⁸.

4. Xu hướng pháp luật về quy hoạch vùng bờ trong thời gian tới

Thứ nhất, cần nhìn nhận đúng vai trò quan trọng của quy hoạch vùng bờ trong tổng thể mục tiêu phát triển kinh tế biển xanh.

Theo lý thuyết về quyền lực biển của Alfred Thayer Mahan⁹, trong 06 điều kiện đế quốc gia

trở thành cường quốc biển, điều kiện thứ 2 bắt buộc phải có bờ biển có thể sử dụng được, nhiều tài nguyên thiên nhiên và khí hậu thuận lợi, ngoài ra còn có 05 điều kiện khác gồm: 1) Có vị trí địa lý thuận lợi; 2) Có lãnh thổ đủ rộng; 3) Có dân số đủ đông để tự vệ; 4) Có xã hội hướng ra biển và thương mại đường biển; 5) Có một chính phủ đủ năng lực làm chủ biển. Như vậy, để trở thành một quốc gia biển, Việt Nam cần có một hệ thống quy hoạch đồng bộ, trong đó quy hoạch vùng bờ cần thiết phải trở thành một phần quan trọng của kinh tế biển xanh. Điều 6 Luật Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn năm 2024 đặt ra yêu cầu đảm bảo sự phù hợp giữa quy hoạch đô thị/nông thôn với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; phù hợp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và trong đó cần đáp ứng yêu cầu phát triển xanh, thông minh, hiện đại, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đặc biệt, Luật đã đưa ra quy định về việc bảo đảm sự phù hợp, tuân thủ giữa các quy hoạch khi có sự mâu thuẫn, chồng chéo theo hướng: nếu có sự mâu thuẫn giữa các quy hoạch thì ưu tiên áp dụng quy hoạch cấp cao hơn hoặc nếu cùng cấp thì áp dụng quy hoạch ban hành sau.

Thứ hai, nghiên cứu đề xuất thí điểm phát triển mô hình đặc khu kinh tế ven bờ, đô thị biển.

Mặc dù dự án Luật Đặc khu kinh tế đã tạm hoãn thông qua tại Quốc hội năm 2018, tuy nhiên xu hướng xây dựng hệ thống các khu kinh tế (hoặc đặc khu kinh tế) ven biển đã được đề cập và nghiên cứu trong nhiều năm. Chủ trương xây dựng thí điểm các đặc khu kinh tế, khu mật dịch tự do ven bờ biển các địa phương có đủ điều kiện đã được nêu ra tại Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (1997); tiếp tục được làm rõ trong Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Tiếp đó, các ý kiến chỉ đạo trong Thông báo của Bộ Chính trị số 79-TB/TW; của Ban Chấp hành Trung ương Đảng số 155-TB/TW; Nghị quyết số 39-NQ/TW

⁸ Báo Nhân dân (2023), Quản lý hiệu quả các khu bảo tồn biển, <https://nhandan.vn/quan-ly-hieu-qua-cac-khu-bao-ton-bien-post747477.html>.

⁹ Ferdy Leorochoa, Pujo Widodo, Comparative study on maritime security theory of Mahan Alfred Thayer

and Geoffrey Till on the strategic and practical implications of constructing a sea defense, International Journal of Progressive Sciences and Technologies (IJPSAT) Vol.38, No.1, 4/2023, tr.456 - 464.

ngày 16/8/2004 (Bộ Chính trị); Quyết định số 148/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ... đều thống nhất việc phát triển kinh tế biển nói chung, khu kinh tế ven biển nói riêng là một chủ trương đúng đắn, đảm bảo sự phát triển lâu dài của quốc gia trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế biển sẵn có. Từ đó giúp hình thành khung pháp lý và cơ sở hoạt động cho các khu kinh tế ven biển một cách lâu dài và bền vững.

Tương tự như vậy, các mô hình đô thị mới hướng biển cũng cần quan tâm, xây dựng hoặc bổ sung vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch không gian biển.

Thứ ba, cải thiện hiệu quả quy hoạch các khu bảo tồn ven biển.

Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt mục tiêu phát triển diện tích các khu kinh tế biển vào năm 2030 là 6%, 2045 là 10%. Để bảo đảm tính bền vững của các vùng biển và ngành kinh tế biển dựa vào nguồn lợi tự nhiên, các Khu bảo tồn biển được các tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế như Liên minh Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN), Tổ chức quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên (WWF), Ủy ban thế giới về các Khu vực bảo hộ (WCPA) xem là một công cụ quản lý hữu hiệu. Khu bảo tồn biển là nơi ương giống hải sản và có tính đa dạng sinh học cao, tạo ra sự phát triển ổn định cho kinh tế các vùng bờ, làm cơ sở để phát triển kinh tế biển xanh. Theo mục tiêu phát triển trong Công ước của Liên Hợp quốc về đa dạng sinh học (CBD 1992), độ bao phủ của các khu bảo tồn biển vào năm 2020 là 10% đối với các quốc gia có biển, đến năm 2030 mục tiêu là 30% và xa hơn đến năm 2050 có thể là 50%. Quá trình lập, phê duyệt và triển khai Quy hoạch vùng bờ có thể tham khảo hướng dẫn của IOC/UNESCO và của PEMSEA về cách tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch, cũng như kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và triển khai quy hoạch vùng bờ của Mỹ, Anh, Đức, Đan Mạch, Na Uy, Úc, Trung Quốc và một số nước trong ASEAN.

5. Kết luận

Để thực sự đưa Việt Nam trở thành một trong các quốc gia mạnh về biển, dựa vào biển để phát triển kinh tế nhanh, bền vững, đòi hỏi Đảng và Nhà nước cần quan tâm, đầu tư mạnh mẽ hơn nữa cho công tác xây dựng quy hoạch không gian ven biển, trong đó có quy hoạch vùng ven bờ, trong kết nối với quy hoạch tổng thể quốc gia và hệ thống các quy hoạch. Trước các rủi ro về môi trường một phần đến từ rủi ro biển như: ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, cạn kiệt tài nguyên biển, Việt Nam cũng cần áp dụng nhiều cách tiếp cận mới hiệu quả, đột phá hơn nhằm đạt được các mục tiêu cam kết vào năm 2050.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo đánh giá tổng kết Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, 2021.
- [2] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, 2022.
- [3] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo tóm tắt Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (dự thảo), năm 2022.
- [4] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Báo cáo tham luận “Khai thác tài nguyên, sử dụng không gian biển theo quy hoạch để phát triển bền vững kinh tế biển”, phục vụ Hội nghị Tổng kết công tác năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025 của ngành tài nguyên và môi trường.
- [5] Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP), Báo cáo “Kinh tế biển xanh - Hướng đến kịch bản phát triển bền vững kinh tế biển”, 2022.
- [6] Quốc hội, Luật biển Việt Nam số 18/2012/QH13, 2012.
- [7] Quốc hội, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13, 2015.
- [8] Quốc hội, Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, 2017.
- [9] Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững Kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, 2018.

- [10] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 914/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, 2016.
- [11] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2295/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, 2014.
- [12] James Holmes, Toshi Yoshihara, Mao Zedong: Meet Alfred Thayer Mahan: Strategic Theory and Chinese sea power, Tạp chí Quốc phòng Australia, 2006, số 171, tr. 32 - 50.
- [13] T. T. K. Nguyễn, L. T. X. Phương, Hệ thống pháp luật và chính sách của Việt Nam về quy hoạch không gian biển, Trường Đại học Duy Tân.